TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2021/DS-ST
Ngày: 14 - 4 - 2021
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính
Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm
Ông Nguyễn Văn Sol

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ H C, sinh năm 1966 (Có mặt)
Trú tại: ấp Tân Hòa, xã Thạnh Phú, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Võ Thanh H, sinh năm 1971 (Vắng mặt)
Trú tại: ấp Tân Hòa, xã Thạnh Phú, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1969 (Vắng mặt)
Trú tại: ấp Tân Hòa, xã Thạnh Phú, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ H C trình bày:

Vào ngày 21/5/2018al tôi có cho bà Võ Thanh H vay số tiền là 10.000.000 đồng, đến ngày 25/5/2019 tôi có cho bà Võ Thanh H và cH là ông Nguyễn Văn Kh vay số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận.

Nay yêu cầu vợ cH bà H, ông Kh trả số tiền gốc là 60.000.000 đồng. Lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 19/12/2019al cho đến nay là 12 tháng số tiền là 11.952.000 đồng.

Tổng số tiền vốn và lãi là 71.952.000 đồng.

- *Theo bà Võ Thanh H (Bị đơn) trình bày*: Bà H thừa nhận có vay bà C tổng số tiền vốn là 50.000.000 đồng.

Nay bà C yêu cầu suất 1,66%/tháng từ ngày 19/12/2019al cho đến nay là 12 tháng số tiền là 11.952.000 đồng.

Tôi đồng ý trả cho bà Võ H C tổng số tiền vốn và lãi là 71.952.000 đồng. Do hoàn cảnh gia đình của tôi hiện nay đang gặp khó khăn nên yêu cầu bà C cho tôi trả dần, nếu trả một lần thì tôi không có khả năng.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Kh. Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 964/TB-TLVA ngày 02/12/2020 nhưng ông Nguyễn Văn Kh không có ý kiến bằng văn gửi Tòa án nhân dân huyện C, cũng không có đơn yêu cầu phản tố.

Ngoài ra, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 2026/TB-TA ngày 02/12/0220 ông Nguyễn Văn Kh. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn Kh vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. ông Nguyễn Văn Kh cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Kh đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn Kh không đến để trình bày ý kiến của mình cũng như không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và xét xử xem như đương sự đã tự từ bỏ thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn Kh là phù hợp.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn bà Võ H C với bị đơn là Võ Thanh H "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Xeùt noäi dung vụ án: Tại phiên tòa, bà C vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thanh H trả cho bà số tiền vốn và lãi là 71.952.000 đồng đã vay ngày 21/5/2018. Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là

tình tiết không phải chứng minh. Do bà Võ Thanh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà C khởi kiện.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà C đã cung cấp giấy biên nhận nợ mà bà Võ Thanh H đã ký nhận. Tại biên bản hòa giải ngày 30/12/2020 bà Võ C H thừa nhận có nợ bà C tổng số tiền vốn và lãi là 71.952.000 đồng, bà H đồng ý trả cho bà C số tiền này, nhưng yêu cầu được trả chậm. Đối với ông Nguyễn Văn Kh, sau khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông Nguyễn Văn Kh không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bà Võ Thanh H và ông Nguyễn Văn Kh (là chồng bà H) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 71.952.000 đồng (Bảy mươi mốt triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng).

[5] Về án phí: Bà Võ Thanh H, ông Nguyễn Văn Kh phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 91, 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà bà Võ H C.

1. Buộc bà Võ Thanh H, ông Nguyễn Văn Kh trả cho bà bà Võ H C số tiền 71.952.000 đồng (Bảy mươi mốt triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Võ Thanh H, ông Nguyễn Văn Kh phải chịu 3.597.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ H C không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà C số tiền 1.798.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã dự nộp theo biên lai số 0005939 ngày 02/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà H, ông Kh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Vânận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện C;*
- *THADS huyện C;*
- *Các Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Huỳnh Minh Tính